TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trãi.

2. Bà Bùi Thanh Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Anh Dũng.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Bích Tr,** sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực Trường Hưng, phường A, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trương Trung T,** sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu vực Trường Hưng, phường A, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích Tr trình bày: Vào năm 2023 bà và ông Trương Trung T tự nguyện yêu thương, tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Ô Môn. Quá trình chung sống đã có 01 người con chung tên Trương Anh Tú, sinh ngày 06/11/2024.

Đến năm 2024 cả hai phát sinh mâu thuẫn do tánh T không hợp với nhau, trong cuộc sống thường xãy ra mâu thuẫn làm mất hạnh phúc. Ông T nghiện ma tuý nên cả hai thường cải vã nhau. Xét thấy, hôn nhân không đạt nếu kèo dài cuộc sống cũng không được hạnh phúc. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân quận Ô Môn giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhận: Bà Đoàn Thị Bích Tr yêu cầu ly hôn với ông Trương Trung T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trương Anh Tú, sinh ngày 06/11/2024 đến trưởng thành. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 02 năm 2025 ông Trương Trung T trình bày: Ông và bà Đoàn Thị Bích Tr là vợ chồng sống chung vào năm 2022. Cuộc hôn nhân do tự nguyện, được sự đồng ý của 02 gia đình đứng ra cưới gả, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Ô Môn. Quá trình chung sống đã có 01 người con chung tên Trương Anh Tú, sinh ngày 06/11/2024.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hoà về T cảm.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Tr ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đoàn Thị Bích Tr.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Trương Anh Tú, sinh ngày 06/11/2024 cho bà Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị Bích Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, yêu cầu xét xử vắng mặt đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Đoàn Thị Bích Tr và ông Trương Trung T do quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trương Trung T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị Bích Tr và ông Trương Trung T chung sống với nhau vào năm 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Ô Môn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà Tr cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là ông T không lo làm ăn, nghiện ma

tuý nên thường xung đột gia đình. Ông T đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18 tháng theo Quyết định số 05/2025/QĐ-TA ngày 17/01/2025 của Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Quá trình giải quyết vụ án ông T có bản tự khai và đồng ý với các yêu cầu của bà Tr. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Bích Tr.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Bích Tr.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bích Tr được ly hôn với ông Trương Trung T.

Về con chung: Giao cháu Trương Anh Tú, sinh ngày 06/11/2024 cho bà Đoàn Thị Bích Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Trương Trung T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trương Trung T, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bích Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004827 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (công nhận bà Tr đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q.Ô Môn;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND (nơi đkkh);
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phương Văn Chính